

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-6-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ M T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Nhật Tân;

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T T H, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1 Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện tại: Số 103-204, 103 – dong, Gongdan-ro, Waegwang-eup, Chilgok-gun, Gyeongbukm Korea.

Bị đơn: Anh Đ M V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 1, Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N T T H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ M V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng

03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ năm 2013 chị H đi lao động tại Hàn Quốc, anh V ở Việt Nam có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị H đã can ngăn, khuyên nhủ nhưng anh V vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình và không quan tâm đến chị H. Vì vậy vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau, chị H không về Việt Nam, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh V.

+Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đặng Khang Ninh, sinh ngày 09/12/2008 và Đặng Minh Đức, sinh ngày 20/10/2010. Cả hai con chung của anh chị đang sinh sống cùng anh V và mẹ anh V, con chung được học hành đầy đủ và phát triển tốt. Hiện nay chị H đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh Đ M V nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng đối với một con chung).

+Về tài sản và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ M V vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành thu thập lời khai của bà Phạm Thị Lịch, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn 1, Đồng Hòa, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Là mẹ đẻ của anh Đ M V), bà Lịch trình bày: Anh V và chị H đăng ký kết hôn năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì chị H đi lao động tại Hàn Quốc. Bà Lịch được biết quá trình chị H đi lao động tại Hàn Quốc giữa anh V và chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau qua điện thoại nên từ khi đi Hàn Quốc đến nay chị H chưa về Việt Nam, anh V và chị H sống ly thân và không liên lạc với nhau nữa. Anh V và chị H có 02 con chung là Đặng Khang Ninh, sinh ngày 09/12/2008 và Đặng Minh Đức, sinh ngày 20/10/2010. Cháu Ninh và cháu Đức đều đang sinh sống cùng bà Lịch và anh V, các cháu sinh sống ổn định và học tập tốt, bà Lịch đề nghị Tòa án tiếp tục giao hai con chung cho anh V nuôi dưỡng để bà Lịch có điều kiện chăm sóc các cháu.

Bà Lịch cũng trình bày anh V đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn nhưng do anh V bận mãi công việc nên không đến Tòa án làm việc và có trao đổi với bà Lịch là nhất trí ly hôn chị H và có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Đ M V nhưng anh V không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến; chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh V là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quan hệ hôn nhân của chị H và anh V không hạnh phúc được chứng minh qua lời khai của chị H và lời khai của bà Lịch

(mẹ đẻ anh V) về mâu thuẫn căng thẳng của vợ chồng cũng như về thời gian anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh V là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là Đặng Khang Ninh, sinh ngày 09/12/2008 và Đặng Minh Đức, sinh ngày 20/10/2010. Hai con chung Đặng Khang Ninh và Đặng Minh Đức đều có đơn đề nghị được sinh sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Mặc dù anh V không có ý kiến trình bày tại Tòa án nhưng bà Lịch trình bày ý kiến là anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, bà Lịch đề nghị Tòa án giao hai con chung của anh chị cho anh V nuôi dưỡng để bà Lịch có điều kiện giúp anh V chăm sóc con chung; Chị H hiện đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Như vậy nếu giao cả hai con chung cho anh V nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc học tập, việc chăm sóc và đúng nguyện vọng của con chung. Nên Hội đồng xét xử cần giao cả hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung) nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận việc tự nguyện này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị; anh V vắng mặt, không có ý kiến trình bày về quan hệ tài sản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N T T H được ly hôn anh Đ M V.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung là Đặng Khang Ninh, sinh ngày 09/12/2008 và Đặng Minh Đức, sinh ngày 20/10/2010 cho anh Đ M V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị N T T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị H nộp tại biên lai số 0009882 ngày 14/01/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị N T T H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; Anh Đ M V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND xã Thụy Phong, h. Thái Thụy
- Lưu

Đ M T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA

Lại Đức Lợi

Hoàng Thị Thu Hiền

Lương Hải Yến

